

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:01/2019/HCPT

Ngày: 17/4/2019

*V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực thuế*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thuyên

Các Thẩm phán: Ông Lương Đức Dương và bà Phạm Thị Thông

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Trung – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2019/TLPT-HC ngày 10 tháng 01 năm 2019 về việc “*khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thuế*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2019/QĐ-PT ngày 06 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Công ty P.

Địa chỉ: KM 26, QL 26, xã E, huyện Kr, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Sỹ Tr – chức vụ Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Hải H, sinh năm 1982 – có mặt.

Địa chỉ: 383/63/35 Nguyễn Văn C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người bị kiện:* Chi cục trưởng Chi cục Thuế huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Thái Hữu Ng - chức vụ: Chi cục trưởng – có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Hải B – chức vụ Chi cục phó Chi cục thuế huyện Đ – vắng mặt.

Địa chỉ: thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người kháng cáo: người khởi kiện Công ty P.

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện trình bày:

Năm 2000, Công ty Ph thành lập trạm thu mua nông sản Đ và bổ nhiệm ông Nguyễn Lê G làm trạm trưởng từ ngày 01/10/2000. Từ năm 2000- 2003, công ty giao cho ông G thực hiện nghĩa vụ đóng thuế tại trạm thu mua Đ, khi giao tiền cho ông G đều có phiếu chi, cụ thể:

- Ngày 28/3/2003: chi 46.611.381 đồng.

- Ngày 23/5/2003: chi 44.464.329 đồng.

- Ngày 12/6/2003: chi 57.558.358 đồng.

Tổng cộng: 148.634.068 đồng.

Ngày 02/10/2003, Công ty Ph ban hành Quyết định số 90/QĐ Quyết định giải thể Trạm thu mua cà phê, nông sản XNK Đ.

Đầu tháng 6/2017, Công ty cổ phần cà phê Ph (gọi tắt là cà phê Ph) nhận được thông báo trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ thuế số 15147/TB-CCT ngày 31/5/2017 của Chi cục Thuế huyện Đ với nội dung: “*Trạm thu mua nông sản Đ còn phải nộp các khoản tiền thuế, tiền chậm nộp là 351.256.266 đồng*”.

Ngày 14/7/2017 Công ty Ph có văn bản đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách Nhà nước kỳ hoàn thuế giá trị gia tăng từ tháng 4/2016 đến tháng 6/2017 với tổng số tiền được hoàn là 1.422.698.182 đồng.

Ngày 19/7/2017 Cục trưởng Cục thuế Đ ban hành Quyết định số 1348/QĐ – CT về việc hoàn thuế kiêm bù trừ ngân sách nhà nước. Trong đó Điều 2 của quyết định này, Cục trưởng Cục thuế đã thực hiện bù trừ với các khoản phải nộp ngân sách để khấu trừ số tiền 353.755.571 đồng của công ty nhưng không rõ lý do bù trừ. Sau đó công ty nhận được thông báo về việc xác nhận nghĩa vụ thuế của người nộp thuế số 1399/TB-CCT ngày 24/7/2017 của Chi cục thuế huyện Đ.

Ngày 29/9/2018, cà phê Ph có đơn khiếu nại Quyết định số 1348/QĐ-CT của Cục trưởng Cục thuế Đ. Ngày 17/01/2018, Cục trưởng Cục thuế Đ đã ban hành Quyết định số 103/QĐ-CT về việc giải quyết khiếu nại của cà phê Ph với nội dung không chấp nhận đơn khiếu nại của cà phê Ph vì lý do Chi cục Thuế huyện Đ đã ghi nhận khoản thuế này.

Công ty Ph đã có quyết định giải thể Trạm thu mua Đ từ năm 2003. Trước khi giải thể, công ty đã giao cho ông Nguyễn Lê G thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế cho nhà nước. Từ năm 2003 đến trước tháng 6/2017, công ty không nhận được bất

kỳ thông báo nào của Chi cục thuế huyện Đ về việc công ty đang còn nợ đọng thuế của Trạm thu mua Đ. Hiện nay ông Nguyễn Lê G đã chết nên Công ty Ph không công nhận khoản nợ này.

Vì những lý do trên, cả phê Ph khởi kiện Chi cục thuế huyện Đ đề nghị Tòa án tuyên hủy Thông báo số 1399/TB-CCT về việc xác nhận nghĩa vụ thuế của người nộp thuế; thông báo số 15147/TB-CCT ngày 31/5/2017 về trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ thuế của Chi cục thuế huyện Đ.

Người bị kiện Chi cục Thuế huyện Đ, tỉnh Đắk Nông trình bày:

Ngày 20/9/2000, cả phê Ph thành lập trạm thu mua nông sản Đ, mã số thuế 6000183273-007, địa chỉ đăng ký kinh doanh; thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông do ông Nguyễn Lê G làm trạm trưởng. Trong quá trình hoạt động kinh doanh đến thời điểm 31/12/2003, Trạm thu mua nông sản Đ còn nợ tổng cộng tiền thuế, tiền phạt chậm nộp là 230.657.735 đồng, trong đó nợ thuế GTGT là 181.744.535 đồng, thuế thu nhập doanh nghiệp là 12.000.000 đồng, phạt chậm nộp 36.913.200 đồng.

Từ thời điểm 31/12/2003 đến 24/7/2017 Trạm thu mua nông sản Đ đã bỏ địa chỉ kinh doanh, không chấp hành thanh toán số tiền thuế, tiền phạt chậm nộp còn nợ, vì vậy số tiền chậm nộp tính từ ngày 31/12/2003 đến ngày 30/6/2017 phát sinh là 120.598.531 đồng.

Do trạm thu mua nông sản Đ không thực hiện nghĩa vụ nộp thuế, do đó Chi cục thuế huyện Đ thông báo về trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ thuế và bù trừ với số tiền thuế giá trị gia tăng được hoàn của cả phê Ph là đúng quy định của pháp luật.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 30/11/2018, Tòa án nhân dân huyện Đ quyết định: Căn cứ Điều 30; Điều 31 và Điều 78 của Bộ luật tố tụng hành chính; Điều 19 của Luật Doanh nghiệp năm 1995; Điều 14; Điều 17, Điều 19 Luật thuế Giá trị gia tăng 1997; Điều 7; Điều 42; Điều 54 Luật quản lý thuế năm 2006; Thông tư số 79/1998/TT-BTC ngày 12/6/1998 hướng dẫn thi hành Quyết định số 75/1998/QĐ-TTg ngày 04/4/1998 của Thủ tướng chính phủ quy định về mã số đối tượng nộp thuế; Thông tư 99/2016/TT-BTC ngày 29/6/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn về quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng.

Tuyên xử: không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty P về yêu cầu hủy Thông báo số 1399/TB-CCT về việc xác nhận nghĩa vụ thuế của người nộp thuế và Thông báo số 15147/TB-CCT ngày 31/5/2017 về trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ thuế của Chi cục thuế huyện Đ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/12/2018, người khởi kiện Công ty Ph có đơn kháng cáo với nội dung không chấp nhận khoản nợ thuế của Trạm thu mua nông sản Đ, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Ngày 14/12/2018 và ngày 15/12/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định kháng nghị số 30 và Quyết định thay đổi kháng nghị số 31, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm vì có vi phạm thủ tục tố tụng, cụ thể như sau: Trạm thu mua nông sản Đ giải thể, ngừng hoạt động ngày 02/10/2003 nhưng cơ quan thuế không thông báo nợ thuế đến đơn vị chủ quản là cà phê Ph mà lại thông báo đến địa chỉ thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (là địa chỉ đăng ký của Trạm thu mua nông sản Đ) dẫn đến kéo dài việc nợ tiền thuế là vi phạm Điều 7, Điều 12 Luật Doanh Nghiệp nhà nước năm 1995; Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập tài liệu chứng cứ để xem xét việc thừa kế quyền và nghĩa vụ của công ty qua nhiều lần thay đổi, chuyển đổi từ Công ty cà phê Ph thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và hiện là công ty cổ phần cà phê Ph; không thu thập ý kiến của cơ quan chuyên môn về quy trình quản lý thuế và nợ thuế; không đưa Chi cục thuế tỉnh Đắk Lắk vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật: Hủy Thông báo số 15147 và Thông báo số 1399 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế huyện Đ; đề nghị không công nhận Công ty cà phê Ph còn nợ thuế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến với các nội dung:

Đơn kháng cáo của người khởi kiện và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ làm trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm.

Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung, sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính: không chấp nhận nội dung kháng cáo của công ty cà phê Ph; rút toàn bộ nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và kết quả tranh tụng của các đương sự, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo, nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm hành chính đã được đương sự thực hiện đúng quy định của pháp luật. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ trong hạn luật định.

Theo yêu cầu khởi kiện của công ty cổ phần cà phê Ph đề nghị hủy Thông báo nợ thuế của Chi cục thuế huyện Đ, nhưng bản án sơ thẩm lại xác định người khởi kiện là ông Thái Hữu Ng là không đúng với quy định về xác định tư cách của người tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 5, Điều 54 và Điều 60 của Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

Xét nội dung kháng cáo của công ty cổ phần cà phê Ph và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ.

2.1 Về nội dung kháng cáo của Công ty cà phê Ph, không đồng ý việc Chi cục thuế huyện Đ ra Thông báo số 15147/TB-CCT, ngày 31/5/2017 và số 1399/TB-CCT, ngày 24/7/2017 về việc trạm thu mua nông sản xuất nhập khẩu Đ còn nợ số tiền thuế 353.755.571 đồng là không đúng, vì trước khi giải thể trạm thu mua Đ năm 2003, cà phê Ph đã giao cho ông Nguyễn Lê G – Trạm trưởng, thực hiện nghĩa vụ thuế Nhà nước, cụ thể: trong năm 2003, công ty đã lập Phiếu chi cho ông G tổng số tiền: 181.784.534 đồng. Tuy nhiên, việc ông G đã thực hiện nộp số tiền này hay chưa thì cà phê Ph không giải trình được, không có chứng cứ nào để chứng minh cho việc trạm thu mua đã thực hiện nghĩa vụ thuế vào năm 2003. Sau thời điểm này, vào ngày 06/11/2003, ngày 30/1/2004 và ngày 15/2/2005 ông Nguyễn Lê G vẫn nhận nợ thuế (Bút lục 38, 39, 40).

Công ty Ph cho rằng từ năm 2003 đến tháng 6/2017, cà phê Ph không nhận được bất cứ Thông báo nào của Chi cục thuế huyện Đ về việc công ty còn nợ đọng thuế từ trạm thu mua nông sản Đ; mặc dù Chi cục thuế huyện Đ đã biết trạm thu mua Đ đã giải thể từ năm 2003 và thực hiện đóng mã số thuế từ năm 2004; trong trường hợp này, theo quy định tại điểm c1, c2 khoản 1 Điều 48 của Thông tư số 156/2013 của Bộ Tài chính thì trạm thu mua thuộc trường hợp được xóa các khoản nợ thuế nhưng Chi cục thuế huyện Đ không thực hiện. Xét thấy, khi công ty cà phê Ph thành lập trạm thu mua tại địa bàn huyện Đ, việc đăng ký mã số thuế là trạm trực tiếp thực hiện giao dịch đối với Chi cục thuế huyện Đ và từ năm 2003 cho đến tháng 6/2017, Chi cục thuế huyện Đ đã nhiều lần thông báo tiền nợ thuế về trạm thu mua Đ là có căn cứ. Năm 2004, sau khi kiểm tra, trạm thu mua Đ không còn, bỏ địa chỉ, nên Chi cục thuế huyện Đ lập hồ sơ đóng mã số thuế đối với Trạm thu mua cà phê Đ, nghĩa là không làm phát sinh nghĩa vụ thuế đối với trạm thu mua Đ từ năm 2004, vì vậy việc nợ đọng thuế của Trạm thu mua Đ từ năm 2003 không thuộc trường hợp được xóa nợ thuế theo quy định của Thông tư số 156/2013 của Bộ Tài chính. Việc công ty cà phê Ph cho rằng từ năm 2003 – tháng 6/2017, công ty không nhận được bất kỳ thông báo nào của Chi cục thuế Đ về việc trạm Đ còn nợ

động tiền thuế nên công ty không chấp nhận; việc Chi cục thuế không gửi thông báo về Công ty Ph vì Chi cục thuế cho rằng Trạm thu mua nông sản Đ là người trực tiếp đăng ký đóng thuế cho nên Chi cục gửi Thông báo về trạm và giao dịch trực tiếp với trạm trưởng (ông G), khi trạm thu mua Đ giải thể, Chi cục thuế huyện Đ không nhận được thông báo nào của Trạm cũng như công ty cà phê Ph nên không có căn cứ để gửi Thông báo nợ thuế của trạm về cà phê Ph; cà phê Ph cho rằng Chi cục thuế huyện Đắk Mi đã biết trạm thu mua Đ đã giải thể nhưng không có chứng cứ để chứng minh. Vì vậy việc Chi cục thuế không gửi Thông báo nợ tiền thuế của trạm đến cà phê Ph trong thời gian từ 2003 – tháng 6/2007 là có căn cứ.

Về nội dung cà phê Ph cho rằng: trạm thu mua Đ thuộc đối tượng được xóa nợ thuế theo quy định tại Thông tư 156/2013 của Bộ tài chính, xét thấy: tại điểm c1 khoản 1 Điều 48 của Thông tư quy định đối với trường hợp được xóa nợ thuế đã quá 10 năm với điều kiện là: *“Cơ quan thuế đã áp dụng tất cả các biện pháp cưỡng chế Thi hành Quyết định hành chính nhưng không thu đủ tiền thuế”*. Trong trường hợp này, mặc dù số tiền nợ thuế của trạm thu mua Đ đến năm 2014 đã quá hạn 10 năm nhưng Chi cục thuế mới chỉ thực hiện việc Thông báo là sẽ áp dụng biện pháp cưỡng chế nhưng Chi cục thuế chưa có Quyết định cưỡng chế đối với trạm, như vậy theo quy định của Thông tư 156 nêu trên thì Trạm thu mua nông sản Đ thuộc công ty cà phê Ph chưa đủ điều kiện được xóa nợ thuế theo quy định.

Tại Điều 100 của Bộ luật dân sự năm 1995 quy định: *“Pháp nhân có quyền và nghĩa vụ phát sinh từ các giao dịch do văn phòng đại diện, chi nhánh xác lập thực hiện”*. Điều 19 Luật Doanh nghiệp Nhà nước năm 1995 quy định: *“Chi nhánh của Doanh nghiệp nhà nước không có tư cách pháp nhân; doanh nghiệp nhà nước chịu trách nhiệm dân sự đối với chi nhánh của doanh nghiệp”* và khoản 4 Điều 206 Luật doanh nghiệp 2014 quy định: *“Doanh nghiệp có chi nhánh đã chấm dứt hoạt động chịu trách nhiệm thực hiện các hợp đồng, thanh toán các khoản nợ gồm cả nợ thuế của chi nhánh...”*. Như vậy, theo quy định của pháp luật từ thời điểm năm 2003 và pháp luật hiện hành thì Công ty cà phê Ph phải có nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước và khoản tiền phạt chậm nộp phát sinh trong quá trình hoạt động của Trạm thu mua Đ là có căn cứ pháp luật.

Về thông báo số 15147/TB-CCT ngày 31/5/2017 của Chi cục thuế huyện Đ, tỉnh Đắk Nông xét thấy: Ngày 11/5/2017, Cục thuế tỉnh Đắk Lắk lập Phiếu đề nghị đối chiếu nghĩa vụ thuế của người nộp thuế gửi Chi cục thuế Đ theo quy định tại Thông tư số 99/2016 ngày 29/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tập trung, quản lý các khoản thu ngân sách nhà nước qua kho bạc nhà nước và hướng dẫn về quản lý hoàn thuế Giá trị gia tăng; trên cơ sở các khoản nợ thuế của Trạm thu mua nông sản Đ thuộc công ty cà phê Ph từ năm 2003 đã qua đối chiếu xác nhận nợ thuế của Trạm, Chi cục thuế huyện Đ đã có thông báo số 15147/TB-CCT ngày 31/5/2017 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Đối với Thông báo số 1399/TB-CCT ngày 24/7/2017 của Chi cục thuế Đ về việc xác nhận nghĩa vụ thuế của người nộp thuế, xét thấy sau khi có quyết định số 1348/QĐ-CT ngày 19/7/2017 của Cục trưởng cục thuế tỉnh Đắk Lắk về việc hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước đối với công ty cà phê Ph về số tiền nợ thuế 353.755.571 của trạm thu mua cà phê Đ thuộc công ty cà phê Ph đã được bù trừ là có căn cứ pháp luật.

2.2 Về nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ. Tại phiên tòa phúc thẩm, sau khi tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông rút toàn bộ nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ. Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 229 của Luật tổ tụng hành chính: đình chỉ xét xử phần nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ.

Từ những phân tích nhận định nêu trên đối với nội dung kháng cáo của công ty cà phê Ph không có căn cứ chấp nhận cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên cà phê Ph phải chịu 300.000 đồng án hành chính phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0003317 ngày 21/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị, cấp phúc thẩm không xem xét đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 229; khoản 1 Điều 241 của Bộ luật tố tụng hành chính;

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của người khởi kiện công ty cà phê Ph. Đình chỉ xét xử đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ.

Căn cứ Điều 30; Điều 31, Điều 78 và Điều 349 của Bộ luật tố tụng hành chính; Điều 19 của Luật Doanh nghiệp năm 1995; Điều 14; Điều 17, Điều 19 Luật thuế Giá trị gia tăng 1997; Điều 7; Điều 42; Điều 54 Luật quản lý thuế năm 2006; Thông tư số 79/1998/TT-BTC ngày 12/6/1998 hướng dẫn thi hành Quyết định số 75/1998/QĐ-TTg ngày 04/4/1998 của Thủ tướng chính phủ quy định về mã số đối tượng nộp thuế; Thông tư 99/2016/TT-BTC ngày 29/6/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn về quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty P về yêu cầu hủy Thông báo số 1399/TB-CCT về việc xác nhận nghĩa vụ thuế của người nộp thuế và Thông báo số 15147/TB-CCT ngày 31/5/2017 về trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ thuế của Chi cục thuế huyện Đ.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Công ty P phải chịu 300.000 đồng án hành chính phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0003317 ngày 21/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị, cấp phúc thẩm không xem xét đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, TDS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Thuyên